

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành, khóa XII, kỳ họp thứ 5 về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2023 cụ thể như sau:

1. VỀ THU NSNN:

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 254,97 tỷ đồng, đạt 129% dự toán, bằng 86,2% cùng kỳ, gồm:

2. VỀ CHI NSDP:

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 963,16 tỷ đồng, đạt 134,1% dự toán, tăng 1,9% cùng kỳ, trong đó:

Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 663,70 tỷ đồng, đạt 120,8% dự toán, bằng 83,3% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 136,76 tỷ đồng, đạt 259,9% dự toán, bằng 45,5% cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 522,27 tỷ đồng, đạt 107,5% dự toán, tăng 6,3% cùng kỳ;

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 197,52 tỷ đồng, đạt 117% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 1.154,43 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 264,07 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NST 599,09 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn 185,32 tỷ đồng.

- Thu bổ sung ngân sách xã 101,91 tỷ đồng.

- Thu kết dư ngân sách 4,04 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 963,16 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 663,70 tỷ đồng.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ 197,52 tỷ đồng.
 - Chi bổ sung ngân sách xã 101,91 tỷ đồng.
- (Kèm biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN)

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành huyện với các xã, thị trấn; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán, có 9/12 khoản thu đạt vượt 100% trở lên so chỉ tiêu pháp lệnh cụ thể: Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 182,4%; Thuế GTGT: 139,2%; Thuế TTĐB 480,0%; Lệ phí trước bạ: 102,1%; Thu phí lệ phí: 100,0%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 107,1%; Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 192,3%; Thu tiền sử dụng đất: 184,2%; Thu khác tại xã đạt 126,0%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; đảm bảo theo chủ trương của nhà nước về chi an sinh xã hội.
- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán như: chi đảm bảo an sinh xã hội, chi giáo dục đào tạo, chi quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2023. /

Nơi nhận :

- Phòng TCKH;
- TTHU, TTHĐND;
- VP HĐND & UBND (Đăng Công thông tin điện tử huyện)
- Lưu; VT.





Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	UTH năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	718.356	1.154.426	160,7%	98,2%
I	Thu cân đối NSNN	200.661	264.068	131,6%	84,7%
1	Thu nội địa	200.661	264.068	131,6%	84,7%
2	Thu viện trợ	-			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		185.321		182,0%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	517.695	599.086	115,7%	91,8%
IV	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo				
V	Thu của đơn vị sự nghiệp (đảm bảo hoạt động chi TX)				
VI	Thu bổ sung ngân sách xã		101.910		95,4%
VII	Kết dư ngân sách		4.041		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	718.356	963.159	134,1%	101,9%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	549.550	663.703	120,8%	83,3%
1	Chi đầu tư phát triển	52.620	136.762	259,9%	45,5%
2	Chi thường xuyên	485.930	522.271	107,5%	106,3%
3	Dự phòng ngân sách	11.000	4.670	42,5%	
II	Chi tạm ứng		25		0,4%
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	168.806	197.521	117,0%	563,0%
IV	Chi bổ sung ngân sách xã		101.910		95,4%



100-107081-1000



LƯỢC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	UTH năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	205.161	264.068	128,7%	84,72%
I	Thu nội địa	197.700	254.970	129,0%	86,17%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	63.700	88.159	138,4%	113,94%
1.1	Thuế TNDN	3.070	5.600	182,4%	124,29%
1.2	Thuế Tài nguyên	3.070	2.260	73,6%	54,07%
1.3	Thuế VAT	57.510	80.059	139,2%	118,71%
1.4	Thuế TTĐB	50	240	480,0%	355,83%
1.5	Thu khác CTN		-		0,00%
2	Thuế thu nhập cá nhân	54.000	53.000	98,1%	63,39%
3	Thuế bảo vệ môi trường		-		
4	Lệ phí trước bạ	21.550	22.000	102,1%	76,62%
5	Thu phí, lệ phí	4.000	4.000	100,0%	108,02%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		40		36,76%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	750	107,1%	
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	650	1.250	192,3%	81,18%
9	Thu tiền sử dụng đất	42.000	77.360	184,2%	88,99%
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-		
13	Thu khác ngân sách	8.800	5.512	62,6%	61,71%
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-		
15	Thu khác tại xã	2.300	2.899	126,0%	78,80%
16	Các khoản đóng góp tự nguyện khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.461	9.098	121,9%	57,56%
1	Từ các khoản thu phân chia	7.461	9.098	121,9%	57,56%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				





Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	UTH năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	739.676	847.449	114,6%	103,4%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	631.356	716.826	113,5%	105,8%
I	Chi đầu tư phát triển	245.411	334.064	136,1%	111,1%
1	Nguồn vốn XD/CB tập trung	8.620	8.620	100,0%	87,2%
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	42.000	42.000	100,0%	159,1%
3	Chi đầu tư phát triển quỹ đất				
4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.000	2.000	100,0%	666,7%
5	Vốn ngân sách tỉnh BSMT	135.415	212.605	157,0%	84,6%
6	Tạm ứng năm trước chuyển sang		11.462		185,4%
7	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang	57.376	57.376		
II	Chi thường xuyên	377.167	378.067	100,2%	103,4%
	Trong đó:				
1	Chi An ninh	754	639	84,7%	78,2%
2	Chi Quốc phòng	4.401	4.645	105,5%	
3	Chi đặc thù huyện biên giới	240	-	0,0%	
4	Chi SN giáo dục, đào tạo, dạy nghề	246.770	266.003	107,8%	0,1%
5	Chi SN khoa học, công nghệ	230	171	74,3%	
6	Chi SN văn hóa thông tin	1.924	1.755	91,2%	6,4%
7	Chi SN phát thanh, truyền hình	120	120	100,0%	491,8%
8	Chi SN thể dục, thể thao	450	443	98,4%	9059,7%
9	Chi SN đảm bảo xã hội	41.653	48.922	117,5%	
10	Chi SN kinh tế	32.719	16.970	51,9%	35,1%
11	Chi SN môi trường	6.090	4.664	76,6%	50,3%
12	Chi SN Y tế	3.782	3.499	92,5%	852,8%
13	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	34.379	30.036	87,4%	
14	Chi khác ngân sách	1.191	201	16,9%	
15	Tiết kiệm chi TX 10% tăng thêm so với năm 2022	2.464	-	0,0%	
III	Dự phòng ngân sách	8.778	4.670	53,2%	
IV	Chi tạm ứng		25		0,4%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	33.432	28.714	85,9%	81,8%
I	Bổ sung mục tiêu đầu năm	33.432	25.492	76,3%	5602,6%
II	Bổ sung mục tiêu trong năm		3.222		
C	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	74.888	101.910	136,1%	95,4%

